

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
LIÊN THÔNG TỪ TRUNG CẤP**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên chương trình:

Tiếng việt: **Tài chính – Ngân hàng**

Tiếng Anh: Finance - Banking

2. Trình độ đào tạo: Đại học

3. Hình thức đào tạo: Chính quy/Vừa làm vừa học

4. Tổng khối lượng kiến thức: 86 tín chỉ

5. Thời gian đào tạo: 2,5 năm

6. Khoa/viện đào tạo: Khoa Kế toán – Tài chính

7. Quyết định ban hành: /QĐ-ĐHNT, ngày tháng năm 2017.

II. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH VÀ BỔ SUNG KIẾN THỨC

1. Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, trái ngành

TT.	Ngành đào tạo	Yêu cầu bổ sung kiến thức	Thâm niên công tác (năm)
1	Ngành đúng/phù hợp	Không	Không
	Tài chính Ngân hàng Kế toán		
2	Ngành gần		
	Kinh tế Quản trị kinh doanh Kinh tế nông nghiệp	1. Tài chính tiền tệ 2. Toán tài chính	Không
3	Ngành khác/trái ngành		
	Tất cả các ngành chưa được liệt kê ở ngành đúng và ngành gần	Tất cả các học phần bổ sung kiến thức	Không

2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức

TT.	Mã HP	Tên HP	Tín chỉ	Ghi chú
1	ECS339	Nguyên lý thống kê kinh tế	2	
2	FIB341	Tài chính tiền tệ	3	
3	FIB339	Toán tài chính	2	
4	ACC325	Nguyên lý kế toán	3	
	Tổng		10	

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

TT.	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ
A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			
A.1.	Các học phần bắt buộc		14
1	POL304	Lý luận chính trị 1	2
2	POL305	Lý luận chính trị 2	3
3		An ninh quốc phòng 2	0
4	MAT322	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3
5	FLS312	Ngoại ngữ 1	3
6	FLS313	Ngoại ngữ 2	3
A.2.	Các học phần tự chọn		
B. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			
I.	Kiến thức cơ sở ngành		
I.1.	Các học phần bắt buộc		17
7	ECS329	Kinh tế vi mô	3
8	ECS330	Kinh tế vĩ mô	3
9	FIB343	Tài chính doanh nghiệp	3
10	ACC345	Kế toán tài chính	4
11	FIB348	Bảo hiểm	2
12	FIB354	Tài chính công	2
I.2.	Các học phần tự chọn		3
13	BUA336	Luật kinh doanh	3
14	ECS335	Marketing căn bản	3
15	AUD349	Kế toán quản trị	3
II.	Kiến thức ngành		
II.1.	Các học phần bắt buộc		39
16	FIB358	Thị trường chứng khoán	3
17	FIB323	Quản trị tài chính 1	3
18	FIB351	Quản trị tài chính 2	3
19	FIB352	Tài chính quốc tế	3
20	FIB337	Thuế	3
21	FIB345	Ngân hàng thương mại	3
22	FIB361	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3
23	FIB360	Lập, thẩm định dự án đầu tư	3
24	FIB357	Đầu tư tài chính	3
25	FIB362	Thanh toán quốc tế	3
26	FIB365	Quản trị rủi ro tài chính	3
27	ACC331	Kế toán ngân hàng	2
28	FIB369	Thẩm định tín dụng	2
29	FIB372	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	2

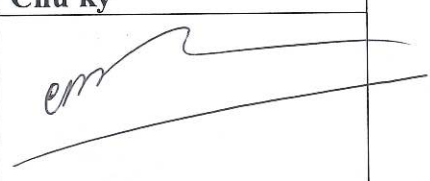
II.2.	Các học phần tự chọn		3
30	BUA364	Quản trị chiến lược	3
31	FIB367	Quản trị ngân hàng thương mại	3
32	FIB371	Kiểm soát nội bộ	3
III.	Tốt nghiệp		
	FIB374	Chuyên đề tốt nghiệp	5
		<i>Sinh viên chọn 5 TC trong số các học phần sau</i>	5
	FIB375	Các công cụ tài chính phái sinh	3
	FIB359	Mô hình tài chính	3
	FIB368	Tài chính công ty đa quốc gia	2
	FIB376	Tài chính hành vi	2
	Tổng số tín chỉ:		75
	Tổng số tín chỉ bắt buộc:		11
	Tổng số tín chỉ tự chọn:		86

IV. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY THEO HỌC KỲ

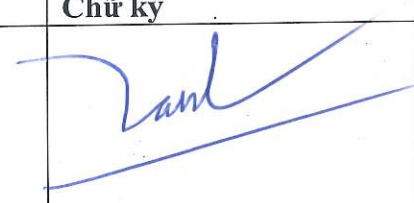
Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ
I	Các học phần bắt buộc		19
	POL304	Lý luận chính trị 1	2
		An ninh quốc phòng 2	0
	FLS312	Ngoại ngữ 1	3
	MAT322	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3
	ECS329	Kinh tế vi mô	3
	ECS330	Kinh tế vĩ mô	3
	FIB343	Tài chính doanh nghiệp	3
		Bảo hiểm	2
	Các học phần tự chọn		
II	Các học phần bắt buộc		15
	POL305	Lý luận chính trị 2	3
	FLS313	Ngoại ngữ 2	3
	FIB354	Tài chính công	2
	FIB323	Quản trị tài chính 1	3
	ACC345	Kế toán tài chính	4
	Các học phần tự chọn		3
	BUA336	Luật kinh doanh	3
	ECS335	Marketing căn bản	3
	AUD349	Kế toán quản trị	3
III	Các học phần bắt buộc		14
	FIB358	Thị trường chứng khoán	3

	FIB337	Thuế	3
	FIB345	Ngân hàng thương mại	3
	FIB351	Quản trị tài chính 2	3
	ACC331	Kế toán ngân hàng	2
	Các học phần tự chọn		3
	FIB367	Quản trị ngân hàng thương mại	3
	BUA364	Quản trị chiến lược	3
	FIB371	Kiểm soát nội bộ	3
IV	Các học phần bắt buộc		17
	FIB360	Lập, thẩm định dự án đầu tư	3
	FIB357	Đầu tư tài chính	3
	FIB361	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3
	FIB352	Tài chính quốc tế	3
	FIB372	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	2
	FIB362	Thanh toán quốc tế	3
V	Các học phần bắt buộc		10
	FIB365	Quản trị rủi ro tài chính	3
	FIB369	Thẩm định tín dụng	2
	FIB374	Chuyên đề tốt nghiệp	5
	Các học phần tự chọn		5
	FIB375	Các công cụ tài chính phái sinh	3
	FIB359	Mô hình tài chính	3
	FIB368	Tài chính công ty đa quốc gia	2
	FIB376	Tài chính hành vi	2

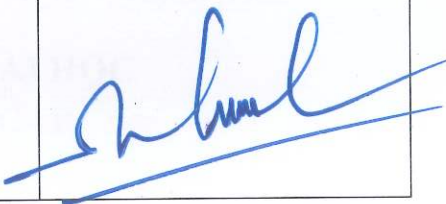
Thư ký Tổ cập nhật

Họ và tên	Chức danh, học vị	Chữ ký
Chu Thị Lê Dung	Thạc sỹ	

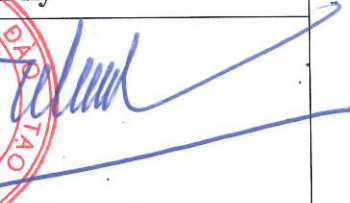
Tổ trưởng Tổ cập nhật

Họ và tên	Chức danh, học vị	Chữ ký
Võ Văn Cần	Tiến sỹ	

Trưởng phòng Đào tạo

Họ và tên	Chức danh, học vị	Chữ ký
<i>Trần Đức Hùng</i>		

Người duyệt Chương trình

Họ và tên	Chức vụ	Chữ ký
<i>Trang Thị Trung</i>	Hiệu Trưởng	



Ngày duyệt: / /2017.

))